

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
ĐỘ TUỔI MG 5 - 6 TUỔI TRUNG TÂM

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
I. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1. Phát triển vận động.				
<i>a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</i>				
1	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục, đầy đủ các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: + Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân, 2 tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao). + <i>Đưa tay ra phía trước, sau.</i> + <i>Đưa tay ra trước, sang ngang¹.</i> + <i>Đánh xoay tròn hai cánh tay.</i> + <i>Đánh chéo 2 tay ra phía trước, sau.</i> + <i>Luân phiên từng tay đưa lên cao.</i> - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái.. + Nghiêng người sang 2 bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải sang trái. + <i>Đứng cúi về trước¹.</i> + <i>Đứng quay người sang bên.</i> + <i>Nghiêng người sang bên.</i> + <i>Cúi về trước, ngửa ra sau.</i> + <i>Quay người sang bên.</i>	1->9	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
		- Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về sau. + <i>Khụy gối</i> ¹ . + <i>Bật, đưa chân sang ngang.</i> + <i>Đưa chân ra các phía.</i> + <i>Nâng cao chân, gập gối.</i> + <i>Bật về các phía.</i>		
<i>b) Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động</i>				
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0.3m) 1 đầu kê cao 0.3m - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.	+ Đi khụy gối. ² + Đi bằng mép ngoài bàn chân. ¹ + Đi trên dây (Dây đặt trên sàn) ³ + Đi trên ván dốc dài (2m* 0,3m) ⁶ + Đi nói bàn chân tiến, lùi. ⁴ + <i>Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.</i> ⁹ + Đứng 1 chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây ⁸	1,2,3,4 5,8,9	
3	Trẻ biết kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh ⁷ + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh ⁹ + Đi thay đổi hướng (Dích dắc) theo hiệu lệnh ⁸ + Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh ⁹	7,8,9	
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2m * cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.	+ Tung bóng lên cao và bắt bóng ¹ + Tung bắt bóng tại chỗ. ⁴ + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay ⁵ + Ném trúng đích đứng bằng 2 tay ⁸ + Ném xa bằng 2 tay. ⁷ + Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân ⁶ + Bắt và ném bóng với người	1,4,5 6,7,8,9	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
		đối diện (khoảng cách xa 4m). ⁶ + Đi và đập bắt bóng ⁹		
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Chạy liên tục 120m không hạn chế thời gian. - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1.5 m theo đúng yêu cầu. + Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất - Bật xa tối thiểu 50cm - Nhảy từ trên cao xuống	+ Chạy chậm khoảng 100-120m.⁵ + Chạy 18m trong khoảng 10 giây⁷ +Bò bằng bàn tay bàn chân 4-5m.¹ + Bò dích dắc qua 7 điểm.⁴ + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.³ + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm.² + Trèo lên, xuống 7 gióng thang.⁵ + Bật liên tục vào vòng.² + Bật xa 40-50cm.⁵ + Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm.⁷ + Bật tách khếp chân qua 7 ô.⁴ + Bật qua vật cản 15-20 cm⁶ + Nhảy lò cò 5m.³ + Ném xa bằng 1 tay³	1,2,3,4 5,6,7	
<i>c) Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng 1 số đồ dùng, dụng cụ.</i>				
6	- Trẻ biết thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.	2,4,6	
	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được các đường viền của hình vẽ. + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. + Xếp chồng 12- 15 khối	` Cài, cởi cúc áo cóm</li> <li>` Xé, tô ` Xâu, buộc dây</li> <li>` Lắp ráp. ` Cắt đường vòng cung.</li> <li>` Đồ theo nét ` Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn	1->9	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	theo mẫu. + TỰ cài, cửi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)			
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
<i>a) Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>				
7	Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm. - TP giàu chất đạm: Thịt, cá, -TP giàu VTM, muối khoáng, rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Nhận biết một số (Rau, củ, quả gần gũi) thực phẩm, đặc trưng của dân tộc Thái, H'Mông	2	
	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	2,6,9	
	- Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội mạnh, uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi cho SK	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,5,6	
<i>b. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>				
8	Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch. Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. Mặc trang phục dân tộc Thái. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	1,2,5	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
<i>c. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>				
9	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Một số hành vi văn hóa, văn minh trong ăn uống - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	1	
10	Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ. Đi tất mặc áo ấm khi trời lạnh. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định, không nhổ bậy ra lớp.	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Tập luyện kĩ năng: Đánh răng trước khi đi ngủ và sau khi ngủ dậy, có thói quen tắm rửa sạch sẽ hàng ngày - Giữ gìn, vệ sinh đầu tóc, quần áo gọn gàng - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. (<i>Mặc quần áo ấm vào mùa đông thoáng mát vào mùa hè</i>) - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh - Che miệng khi ho, hắt hơi. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	2,4,8,9	
<i>d) Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i>				
11	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. Không nghịch các vật sắc nhọn. - Biết được về nguồn lửa,	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Tránh nhưng nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ + <i>Nhận biết được về nguồn lửa</i>	3,4,8	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ. Trẻ biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm, và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	(bếp ga, bếp củi, bật lửa...) nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ (điện thoại, ti vi...) + Nhận biết các tín hiệu (còi báo động), phương tiện chữa cháy (bình chữa cháy, thùng đựng nước, chăn chữa cháy...) và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.		
12	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh; - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc. - Biết không tự ý uống thuốc; - Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho SK	- Những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.... + Không tự ý uống thuốc khi chưa có sự cho phép của người lớn. + Không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ.	4,5,6	
13	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn. + Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực	Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Gọi người lớn khi cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... + Không đi theo nhận quà của người lạ khi chưa được sự cho phép của người thân. + Kêu cứu khi người lạ sờ vào người, hay bị bắt cóc, dọa nạt. + Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Nói được địa chỉ nơi ở, số điện thoại bố, mẹ, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Các tín hiệu, phương tiện báo	1,3,7, 8	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	trường lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ. - Biết được địa chỉ, nơi ở, SĐT gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	<i>động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</i> - Tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.(Bếp ga, bật lửa, diêm, than nóng, bếp củi đang cháy, chập điện....)		
14	Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi; - Đi bộ trên hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào.	Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng	1,3,5,7	
15	- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống. - Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn. - Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn	- Giông sét; mưa đá, động đất, gió lốc..... Biểu hiện, nguyên nhân cơ bản của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng cơ bản của biến đổi khí hậu với con người và động thực vật, các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam. Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai, nguyên nhân và một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai.	4,5,8	
II. Phát triển nhận thức				
1. Khám phá khoa học				
<i>a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>				
	Trẻ biết tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.	1,2,3, 5,6,7,8	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
16	về sự vật, hiện tượng tại sao có mưa?Mưa đá, giông, sấm sét, động đất.	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, của số PTGT - Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo giữa cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Các nguồn nước trong môi trường sống ở địa phương (<i>Nước giếng, nước máy, nước khe, nước sông, nước suối</i>). - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		
	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng..			
	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.			
17	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	1,3, 5, 6,7	
18	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. (<i>đồ dùng gia đình</i>		

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
		người Thái) - Phân loại một số phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu		
<i>b) Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i>				
19	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây	8	
20	<i>Trẻ có thể dự đoán 1 số HTTN đơn giản sắp xảy ra</i>	- Dự đoán về HTTN như: Trời sắp mưa, nắng..	8	
21	Trẻ biết giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	7,9	
<i>c) Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</i>				
22	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả, PTGT - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	1,3,5,6,7	
23	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	1->9	
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
<i>a) Trẻ nhận biết số đếm, số lượng</i>				
24	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?" "Là số mấy?".	1,3,4,5,9	
	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	9	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1,3,4,5,9	
25	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp các nhóm đối tượng và đếm.	1,3,4,5,9	
	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và đếm.		
26	Trẻ biết nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (SĐT, biển số xe,...).	3,7	
b) Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc				
27	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp.	6	
28	Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		
	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp			
c) Trẻ biết so sánh hai đối tượng				
29	Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	6,8	
d) Trẻ biết nhận biết hình dạng				
30	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu - Tạo ra 1 số hình học bằng các cách khác nhau.	7	
e) Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.				
31	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía	2	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
		trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.		
32	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	8	
3. Khám phá xã hội				
<i>a) Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i>				
33	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2	
34	Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về GD Trẻ nói được địa chỉ GD mình (Thôn, đội bản), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình. Qui mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn) . Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình. - Địa chỉ gia đình mình (<i>đội bản, xã</i>), số điện thoại (nếu có) (gia đình người Thái, đồ dùng đặc trưng trong gia đình của dân tộc thái...).	3	
35	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.. Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường, <i>điểm trường</i> .	1	
<i>b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>				
36	Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của Điện Biên: <i>Làm ruộng, làm nương, đan lát, dệt thổ cẩm, ... Sản phẩm của nghề</i>	4	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
		<i>nông: Gạo tám, gạo sến cù...).</i>		
c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh				
37	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: - Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên - Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, tết trung thu, tết nguyên đán, lễ hội Hoa Ban.	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: - Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả bản em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên - Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, tết trung thu, tết nguyên đán, lễ hội Hoa Ban ... Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương: <i>(lễ hội của dân tộc Thái, lễ hội hoa ban, lễ hội đền Hoàng Công Chất, ngày 07/5, di tích đồi A1, bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại trung tâm xã Mường Pôn, bia tưởng niệm liệt sĩ Bế Văn Đàn...)</i>	2,3,4,6 7,9	
38	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Điện Biên: Đồi A1, Hàm Đờ cát .		9	
III. Phát triển ngôn ngữ				
1. Nghe hiểu lời nói				
	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể,	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. VD: “Các bạn mặc áo màu đỏ đứng sang bên phải, các bạn mặc áo màu xanh đứng sang bên trái.....”	1	
39	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập...).	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu về phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập...). Sử dụng các từ chỉ tính chất đặc điểm của một số phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập)..	1,3,5, 6,7,9	
	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.			

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
		Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.		
40	<i>Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới.</i>	- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.	2	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
41	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự.	9	
	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh. - Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc.	4,8	
	Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: "tại sao ?", "như thế nào ?", "làm bằng gì ?"	1->9	
	- Trẻ biết miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	6	
42	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1->9	
43	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	1->9	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.		
	Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch.	6	
44	- Trẻ biết sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	1	
45	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4,5	
3. Làm quen với việc đọc - viết				
	Chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau ở góc thư viện của nhà trường	5,6	
	Trẻ có thể kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. ở góc thư viện của nhà trường.	9	
46	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. ở góc thư viện của nhà trường - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	8,9	
47	Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo GT...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,7	
48	Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái TV	- Nhận dạng các chữ cái tiếng việt.	1->9	
49	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu,	- Tập sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	1->9	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ tiếng Việt.		
IV. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội				
1. Thể hiện ý thức bản thân				
50	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	2,3	
	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	2,4,6	
	Trẻ có thể nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	2	
2. Thể hiện sự tự tin tự lực				
51	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	1,3	
	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Nghe lời, giúp đỡ bố, mẹ, cô giáo những công việc vừa sức.	1,3	
	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	1,2, 3	
	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	4,6,7,8	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh				
52	Trẻ có thể nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.. - MQH giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	2,4	
	Trẻ có thể biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người	2, 5,6,7	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		
53	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè..	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	2,3	
54	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...) Trẻ thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...) - Thể hiện được tình cảm kính yêu Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	9	
55	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên: <i>Đồi A1, Hàm Đờ Cát, Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội Đền Hoàng Công Chất, Bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Bế Văn Đàn tại xã Mường Pồn, cánh đồng lúa, đồi cao su,...</i> - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	6,9	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				
56	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và GD và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3,4,7,9	
	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	1,2	
57	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	1,2	
	Trẻ biết chờ đến lượt		7	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
58	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. <i>(chia sẻ với các bạn nghèo vùng cao Điện Biên, cảm thông, chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai)</i> . - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép lịch sự	6	
	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).		4,6 ,9	
5.Quan tâm đến môi trường				
59	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối, <i>bảo vệ rừng....</i>	5,6	
60	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường (không nuôi gia súc, gia cầm ở gầm sàn).	1,5	
	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	3,4,5,6,8	
61	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước	3,8	
V. Phát triển thẩm mỹ				
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên cuộc sống và các TPNT				
62	Trẻ có thể tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. <i>(dệt thổ cẩm...)</i>	2,4,6	
63	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau <i>(nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển dân ca Thái, dân tộc H'Mông...)</i> . - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9	
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình				

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
64	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm TH	- Thể hiện thái độ tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	6	
65	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->9	
66	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc của dân tộc Thái..... nhảy sạp - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: Đá, ống tre, ống nứa.....	1->9	
67	Trẻ làm quen với đàn oocgan và đánh được 1 số nốt nhạc theo yêu cầu của cô giáo.	- Nhận ra và đánh được các nốt nhạc và 1 số bài đơn giản.	1->9	
68	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	+ Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. + Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	3->9	
69	Trẻ phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1->9	
70	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		3,4,8,9	
71	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối..		1->9	
72	Trẻ có thể phối hợp các kĩ		7,8	

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	năng xếp hình để tạo thành các SP có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.			
73	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục	1->9	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật				
74	Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	9	
	Trẻ có thể gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	1,2,3,4	
75	Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng TH của mình.	8,9	
76	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình	1->9	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (tháng từ ngày 08/09 đến ngày 22/05/202 6)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
1 tuần (01/9 đến ngày 5/9/2025)	1	Ổn định	Ổn định nề nếp	1 tuần (1/9-5/9/2025)	- Ngày khai giảng (thứ 6 ngày 5/9)	Tổ chức toàn trường
3 tuần (8/09 đến 26/9/2025)		Trường mầm non	Trường MN của bé	1 tuần (8/09 - 12/09)		
			Lớp học của bé	1 tuần (15/09 - 19/09)		
			Đồ dùng đồ chơi của lớp	1 tuần (22-26/9/2025)		

4 tuần (29/9 đến 24/10)	2	Bản thân-Tết trung thu	Tết trung thu	1 tuần(29/09 – 03/10)	- Tết trung thu vào thứ 2 ngày 6/10 Ngày 20/10 vào Thứ 2	
			Tôi là ai	1 tuần(6/10 - 10/10)		
			Cơ thể diệu kì của bé	1 tuần(13/10 - 17/10)		
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần(20/10 - 24/10)		
4 tuần (27/10 đến 21/11)	3	Gia đình - Ngày hội của cô giáo	Gia đình của bé	1 tuần(27/10 - 31/10)	- Tổ chức ngày nhà giáo VN vào thứ 5 ngày 20/11	
			Ngôi nhà bé yêu	1 tuần(03/11 – 07/11)		
			Nhu cầu gia đình	1 tuần(10/11 - 14/11)		
			Ngày hội của cô giáo	1 tuần (17/11 - 21/11)		
4 tuần (24/11 đến 19/12)	4	Nghề nghiệp - Ngày 22/12	Nghề xây dựng	1 tuần(24/11– 28/11)		
			Nghề sản xuất	1 tuần (01/12- 5/12)		
			Một số nghề truyền thống	1 tuần (08/12 - 12/12)		
			Bé tập làm chủ bộ đội	1 tuần (15/12 - 19/12)		
4 tuần (22/12 đến 16/1/2026)	5	Những con vật bé yêu	Động vật nuôi trong Gia đình	1 tuần(22/12 – 26/12)	- Ngày QĐNDVN vào thứ 2 ngày 22/12 - Tết dương lịch vào thứ 5 ngày 1/1/2026	
			Một số con vật sống trong rừng	1 tuần(29/12-02/1/2026)		
			Động vật sống dưới nước	1 tuần (05/01- 09/01)		
			Côn trùng và chim	1 tuần (12/01-16/01)		
4 tuần (19/01 đến 13/02)	6	Thế giới thực vật – Tết nguyên đán	Cây xanh	1 tuần (19/01-23/01)	- Ngày tết nguyên đán	
			Một số loại hoa, quả	1 tuần (26/01-30/01)		
			Một số loại rau	1 tuần(02/02-06/02)		
			Mùa xuân – Tết nguyên đán	1 tuần (09/02-13/02)		
			Nghỉ tết nguyên đán	1 tuần (16/02-20/02)		
4 tuần (23/2 đến 20/03)	7	PT và một số quy định giao thông - Ngày hội	Một số PTGT đường bộ	1 tuần(23/02 - 27/02)	- Ngày 8/3 vào CN	
			Ngày hội 8/3	1 tuần(02/03 - 06/03)		
			Một số quy định giao thông	1 tuần(09/03 - 13/03)		

		8/3	đường bộ			
			PTGT đường hàng không	1 tuần (16/03 - 20/03)		
3 tuần (23/03 đến 10/04)	8	Nước và một số HTTN	Nước	1 tuần (23/03-27/03)		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần (30/03-03/04)		
			Mùa hè của bé	1 tuần (06/04 - 10/04)		
5 tuần (13/04 đến 22/5/2026)	9	QH-ĐN-Bác Hồ-Trường tiểu học - Tết thiếu nhi	Quê hương Điện Biên	1 tuần (13/04-17/04)	- Giỗ tổ Hùng Vương vào CN ngày 26/04 30/4, 1/5 vào thứ 5,6 - Ngày QT thiếu nhi 1/6	- Tổ chức phạm vi khối (lớp)
			Đất nước	1 tuần (20/04-24/04)		
			Tuần ôn	1 tuần (27/4-01/5)		
			Bác Hồ của em	1 tuần (04/5 - 08/5)		
			Trường tiểu học	1 tuần (11/5 - 15/5)		
			Tết thiếu nhi	1 tuần 18/5 – 22/05)		
Tổng				35 tuần		

P. HIỆU TRƯỞNG
 (Duyệt)

Mừng Pôn, ngày 25 tháng 08 năm 2025
NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Vũ Thị Sơn Ca

Lò Thị Tiên